
Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Đặng Hữu Tình**
Bà **Trần Thị Thanh**
- *Thư ký phiên toà:* Bà **Hoàng Thị Hải Uyên**, Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*
Ông **Nguyễn Công Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1990; có mặt.
Địa chỉ: Cụm 7, xã NT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.
- *Bị đơn:* Anh **Lã Anh T1**, sinh năm 1989; vắng mặt
Địa chỉ: Cụm 7, xã NT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị kết hôn cùng anh Lã Anh T1 là người ở xã NT, huyện PT, Thành phố Hà Nội vào ngày 11/12/2012, trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới chị về sống chung cùng anh T1 và mẹ anh tại Cụm 7, xã NT, huyện PT. Thời gian đầu vợ chồng chị sống chung hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do anh T1 không lo làm ăn mà thường xuyên chơi cờ bạc, từ đó làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, sau mỗi lần cãi nhau anh T1 thường bỏ đi khoảng một tháng mới về nhà. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng vào năm 2016, do anh T1 không bỏ được cờ bạc mà thông qua các tin nhắn điện thoại của anh T mà chị đọc được thì phát hiện anh T1 quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác. Chị hỏi thì anh Tuấn cũng công nhận, sau đó anh T1 hứa với chị sẽ

chấm dứt mối quan hệ này, nhưng thực tế anh T không thực hiện được. Vì vậy, chị xác định sống chung cùng anh T1 không có hạnh phúc nên tháng 5 năm 2018 chị ra ở riêng, không chung sống cùng anh T1 nữa. Cũng từ đó anh T1 không thường xuyên ở nhà, anh T1 đi đâu làm gì, chị không biết, nhưng thỉnh thoảng anh T1 vẫn gọi điện cho chị mục đích để hỏi thăm con cái. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 để chị yên tâm làm ăn và ổn định cuộc sống. Sau khi chị nhận được giấy triệu tập của Tòa án, chị có liên lạc với anh T1 để bảo anh T1 về giải quyết ly hôn, anh T1 đồng ý, nhưng sau đó lại gọi cho chị và nói không đến được, tùy chị muốn giải quyết thế nào cũng được. Việc anh T1 không đến Tòa án để giải quyết ly hôn là gây khó khăn cho chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Lã Gia H, sinh ngày 15/4/2015, Hiện nay, cháu đang sống chung cùng chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài việc xin ly hôn anh T1 và đề nghị được nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Do anh Lã Anh T1 cố tình không đến Toà án nên Toà án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

- Tại Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của anh Lã Anh T1. Bà P trình bày: Tháng 12 năm 2012, gia đình bà tổ chức cưới cho anh T kết hôn cùng chị Nguyễn Thị M là người ở huyện VY, tỉnh Yên Bái. Sau khi cưới chị M về sống chung cùng anh T1 và gia đình bà. Thời gian đầu vợ chồng anh T sống chung hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân tại sao bà không biết, chỉ thấy chị M vừa khóc vừa nói với bà là anh T1 có quan hệ với người phụ nữ khác. Sau đó, chị M mở cửa hàng kinh doanh và bán hàng ở huyện Hoài Đức nên chị M ở tại cửa hàng. Đối với anh T1, bà chỉ biết anh T1 đi làm thuê nhưng không biết ở đâu, thỉnh thoảng có về nhà sau đó lại đi luôn. Việc chị M làm đơn ly hôn, anh T1 có biết, nhưng theo bà được biết thì anh T1 không muốn ly hôn nên không đến Tòa án.

Những lần Tòa án giao giấy triệu tập cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T1, bà đều nhận thay và có thông báo cho anh T1 biết nhưng anh T1 không đến Tòa án.

Về việc chị M xin ly hôn anh T1, quan điểm của bà cũng không muốn vợ chồng anh T1, chị M ly hôn nên bà đã gặp chị M để phân tích cho chị M nhưng chị M cũng không đồng ý. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Xác minh tại UBND xã NT, huyện PT, Thành phố Hà Nội, được biết: Anh Lã Anh T có bố đẻ là ông Lã Văn T2 (đã chết), có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P. Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và sống chung cùng Bà P tại Cụm 7, xã NT, huyện PT. Anh T kết hôn cùng chị Nguyễn Thị M, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc T, huyện Phúc T. Quá trình sống chung vợ chồng anh T1, chị M mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết. Thực tế, hiện nay không thấy chị M sống cùng anh T1. Đối với anh T1 làm nghề tự do nên không thường xuyên ở nhà. Việc anh T1 làm gì ở đâu, địa phương không nắm được nhưng thỉnh thoảng anh T vẫn về nhà và ở cùng Bà P tại Cụm 7, xã NT, huyện PT.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị M kiên quyết xin được ly hôn anh Lã Anh T vì tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn. Về con chung, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Thị M và anh Lã Anh T1 được ly hôn. Về con chung giao cháu Lã Gia H, sinh ngày 14/5/2014 cho chị Nguyễn Thị M nuôi. Chấp nhận đề nghị của chị M không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu anh Lã Anh T1 có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Lã Anh T1, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T1 đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và không hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh Lã Anh T1 vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lã Anh T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lã Anh T1 kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện PT, thành phố Hà Nội vào ngày 11/12/2012. Quá trình sống chung, chị M và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị M khai, do anh T1 không chỉ chơi cờ bạc mà còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Bản thân anh T1 cũng thừa nhận việc này và hứa sẽ thay đổi, nhưng thực tế anh không thực hiện được. Chị M và anh T1 đã ly thân, mỗi người sống một nơi. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị M kiên quyết xin ly hôn anh Lã Anh T1 vì tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh T1 vắng mặt nhưng theo lời khai của bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của anh T xác nhận chị M và anh T1 sống chung đã xảy ra mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai, anh T1 biết việc chị M xin ly hôn nhưng không đến Tòa án.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lã Anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được

nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lã Anh T1.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lã Anh T1 có 01 con chung là Lã Gia H, sinh ngày 14/5/2014. Nguyên vọng của chị M được nuôi cháu Huy và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyên vọng của chị M là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Huy cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị M xác định có đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lã Anh T1 cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp nếu anh Lã Anh T1 có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

+ Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lã Anh T1.

+ Về con chung: Giao cháu Lã Gia H, sinh ngày 14/5/2014 cho chị Nguyễn Thị M nuôi đến khi cháu Lã Gia H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Lã Anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lã Anh T1 cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Lã Anh T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005232 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lã Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc T;
- THADS huyện Phúc T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phỳc Thọ;
- THADS huyện Phỳc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÁN TềA